



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐƠN ĐA
Last Middle First

Current Address: Thị Lai Thượng, Hưởng Vinh, Thành phố Huế VIET-NAM

Date of Birth: 10-4-1945 Place of Birth: Hưởng Vinh, Hưởng Hà, Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975) Captain, S3 CHIEF of PACIFICATION & DEVELOPMENT
(Rank & Position) IN BINH DINH - QUINHOA

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From Apr 30, 1975 To Dec 12, 1982
Years: 7 (Seven) Months: 7 (Seven) Days: 16

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN ĐƠN LỰC
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYỄN ĐƠN LỰC</u>	<u>Cousin</u>
<u>NGUYỄN ĐƠN MÂN</u>	<u>Cousin</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Nguyen Luc Apr 30, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN ĐÔN ĐÀ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ CÚC	3. 3. 1943	WIFE
NGUYỄN THỊ KHÁNH HY	17. 1. 1971	Daughter
NGUYỄN THỊ TỐ TÂM	4. 1. 1972	Daughter
NGUYỄN THỊ DẠ-ÁI	3. 8. 1974	Daughter
NGUYỄN ĐÔN THÈ-NĂNG	22. 2. 1984	SON
NGUYỄN THỊ PHÚC	6. 10. 1969	Daughter
NGUYỄN THỊ HẠNH	10. 12. 1968	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Thị Lai Thưởng, Hưởng Vinh, Thành phố Huế
VIET NAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN ĐƠN ĐA
Last Middle First

Current Address: Thị Lai Thượng, Hương Vinh, Thành phố Huế VIETNAM

Date of Birth: 10-4-1945 Place of Birth: Hương Vinh, Hương Ho, Thừa Thiên

Previous Occupation (before 1975) Captain, S3 CHIEF of PACIFICATION & DEVELOPMENT
(Rank & Position) IN BINH DINH - QUINHON

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From Apr 30 1975 To Dec 12 1982
Years: 7 (Seven) Months: 7 (Seven) Days: 16

3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN ĐƠN LỰC
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYỄN ĐƠN LỰC</u>	<u>COUSIN</u>
<u>NGUYỄN ĐƠN MẬU</u>	<u>COUSIN</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Redmond Apr 30 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN ĐÔN ĐÀ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ CÚC	3. 3. 1943	WIFE
NGUYỄN THỊ KHÁNH HUY	17. 1. 1971	Daughter
NGUYỄN THỊ TÔ TÂM	4. 1. 1972	Daughter
NGUYỄN THỊ DẠ AI	3. 8. 1974	Daughter
NGUYỄN ĐÔN THÈ NANG	22. 2. 1984	SON
NGUYỄN THỊ PHÚC	6. 10. 1969	Daughter
NGUYỄN THỊ HẠNH	10. 12. 1968	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Thị Lai Thượng, Hương Vĩnh, Thành phố Huế
VIET NAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

10
CỘNG AN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 11 tháng 11 năm 1982

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/Tg và thông tư số 240 ngày 1-4-1978 và ngày 9-4-1981 của
Ủy ban Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc xét tha
và gia hạn đối với các binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ
cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phản động liên đang bị tập trung giáo dục
cải tạo các trại trong tỉnh.

Thực hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

RA LỆNH THA

Họ và tên: Nguyễn Văn Minh bị danh

Ngày tháng năm sinh: 1945

Quê quán: Huyện Hương Khê, Bình Trị Thiên

Trụ quán: Xã Hương Vĩnh, Huyện Hương Khê, Bình Trị Thiên

Cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Đoàn trưởng, Trưởng ban chấp hành huyện Hương Khê, Bình Trị Thiên

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, công an xã

Hương Vĩnh và công an huyện Hương Khê

thuộc tỉnh Bình Trị Thiên và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa

phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy định của

Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

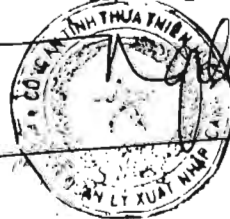
K/T TRƯỞNG TY CÔNG AN
BÌNH TRỊ THIÊN



CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Xác nhận ông: Nguyễn Đôn Đa, sinh năm 1945
vào trại cải tạo tháng 5 năm 1975
về tội tham gia trong bộ máy chính quyền
của chế độ cũ./

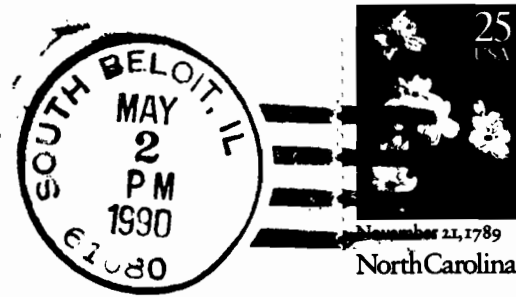
CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Trưởng phòng



Đại úy NGUYỄN BÁ HOÀ

FR. NGUYỄN ĐÓN LẬP

MAY 07 1990



To: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

HỒ SƠ BỔ TÚC TỰ NHÂN: NGUYỄN ĐÓN ĐÀ

TR: NGUYỄN ĐÓN LỘC



To: HỒI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ V.N
P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

JUL 23 1990

Phụ hồ sơ TỰ NHÂN: NGUYỄN ĐÓN ĐÀ

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 28210/90 PC
Nº

Họ và tên Full name ~

NGUYỄN ĐÓN ĐÀ

Ngày sinh Date of birth

1945

Nơi sinh Place of birth

Huế

Chỗ ở Domicile

Thị trấn Huế

Nghề nghiệp Occupation /

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.5.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1990
Issued at on



Trưởng phòng

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

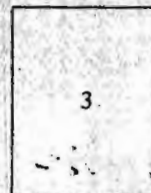
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

8 BỊ CHÚ — REMARKS

9 THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 28210 X

Cấp cho ông Nguyễn Văn Đa
Cũng với / trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất

Trước ngày 28. 11. 1990

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº

PT

28212/41ĐC1

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ TỐ TÂM

Ngày sinh Date of birth

1972

Nơi sinh Place of birth

Quảng Nam

Chỗ ở Domicile

Thị trấn Huế

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28. 5. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

Họ và tên *Full name*



Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

8 BỊ CHỮ — REMARKS

9 THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 28212 XC

Cấp cho Nguyễn Ôtri Gò Tam

Cùng với 1 trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Qua cửa khẩu Tam Sơn nhất

Trước ngày 28 11 1990

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Triệu Tấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số

Nº

PT

28216/90-ĐC₁

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ CÚC

Ngày sinh Date of birth

1943

Nơi sinh Place of birth

Huế

Chỗ ở Domicile

Thị trấn Huế

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.5.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1990

Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Nguyễn Đức Cường

Ngày sinh Date of birth

1984

Nơi sinh Place of birth

Huế

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

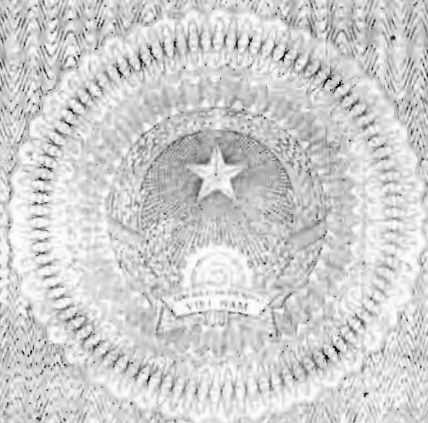
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

3

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 28216 XCCấp cho Đã Nguyễn Thị CúcCùng với một trẻ emĐến nước HỢP CHUNG QUỐC HÒA KỲQuốc gia đi Tên Sơn nhấtTrước ngày 28. 11. 1990Hô Nội, ngày 28 tháng 11 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Triệu Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o

PT

28214/400C₁

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ DA AI

Ngày sinh Date of birth

1974

Nơi sinh Place of birth

Quảng Nam

Chỗ ở Domicile

Thị trấn Huế

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28. 5. 1975

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1970
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

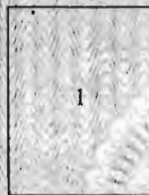
Trưởng phòng



Trịnh Tấn

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



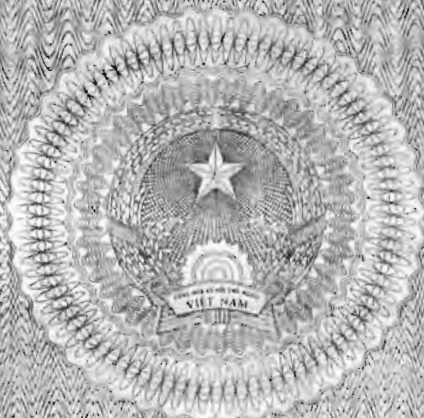
Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

8 BỊ CHỮ — REMARKS

9 THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 28214 XC

Cấp cho Nguyễn Văn Đa Ai

Cùng với trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quốc gia khác Tất cả nhất

Trước ngày 28.11.1990

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Văn

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 28218/90.DC

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ KHÁNH MY

Ngày sinh Date of birth

1971

Nơi sinh Place of birth

Quảng Ninh

Chỗ ở Domicile

Thị trấn Thuận Hải

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu

Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

28.5.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 28 tháng 5 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Triệu Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
 CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



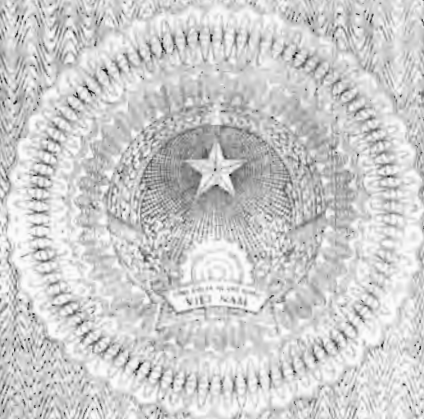
Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 28218 XCCấp cho Nguyễn Thị Khánh Huyền
Cùng với trẻ emĐến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲQuốc tịch Tân Sơn NhấtTrước ngày 28.11.1990Hộ Nội, ngày 28 tháng 5 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Trưởng phòng

Triệu Năm

BỘ NỘI VỤ
--
CỤC QUẢN LÝ XNC
Số : 220 /XC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-:-:-:-:-

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Ông Nguyễn Văn Đa

Hiện ở : Thôn Lai Thượng, Hướng Vinh, Huế.

- 1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 05 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ .
- 2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 05 hộ chiếu cho gia đình, số :

28210
28212
28214
28216
28218 / 90 DC (gửi kèm theo)

- 3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H109 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh .

- 3 Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ .

Xin thông báo để ông yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 1990

TRƯƠNG PHONG X.N.C

Ghi chú :

Hiện nay phía Mỹ đang phỏng vấn danh sách H04



Nam Văn Phụng

Huế, ngày 21 tháng 11 năm 1952

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/TT g và thông tư số 240 ngày 1-4-1952 và ngày 9-8-1952 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thả và gia hạn đối với các binh sĩ, nhân viên các cơ quan hành quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đảng phái phản động liên đang bị tập trung giam giữ tại các trại trong tỉnh.

Thực hành quyết định của số 41/QĐ ngày 8 tháng 11 năm 1952 của Ủy ban Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

RA LỆNH THA

Họ và tên: Nguyễn Văn Bội danh

Ngày tháng năm sinh: 1945

Quê quán: Huyện Hương Thủy - Bình Trị Thiên

Trú quán: Xã Thủy Vinh, Thành phố Huế

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Đang ở: Trưởng ban phát triển kinh tế tại tỉnh lỵ

Khi về phải trực tiếp trình diện ngay với Ủy ban nhân dân, công an xã

Huyện Vĩnh và công an huyện Thành phố Huế

thuộc tỉnh Bình Trị Thiên và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương

trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy định của

Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

K/T TRƯỞNG TY CÔNG AN
BÌNH TRỊ THIÊN

CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Xác nhận ông: Nguyễn Đôn Đa, sinh năm 1945
vào tù cải tạo tháng 5 năm 1975
về tội tham gia trong bộ máy chính quyền
mã đỏ đỏ cũ.

CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Trưởng phòng



Đoàn lý NGUYỄN BÁ HOÀ

FORMER POLITICAL PRISONERS OF
COMMUNIST VIET NAM ASSOCIATION
HỘI CƯ TỬ NHÂN CHÍNH TRI CÔNG SAN VIỆT NAM
A California Non Profit Corporation 1380287-A501(c)(3) Organization 9581 168025

P.O. BOX 635, Westminster, California 92684-635
Telephone (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN ĐÓN ĐÀ
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: Male Date of Birth: Apr 10, 1945 Place of birth: HUONG VINH - HUE CITY - VN
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: Captain Cooperation center - QUINHON.
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: May 1975 - HUE CITY.
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: CÔNG TIEN - AITU - BINH DIEN.
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: NOVEMBER 1982
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Married
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children: Wife: Nguyễn Thị Cúc - 1943.
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
children: Nguyễn Thị Khanh, Hy - 1971 - female, Nguyễn Thị Tố Tâm
1972 - female, Nguyễn Thị Đa - 1974 - female
3. Address of family: Nguyễn Đón Đà - 1984 - male - female
(Địa chỉ gia đình) Nguyễn Thị Phúc 1969 - female Nguyễn Thị Hạnh 1968
HUONG VINH Village - HUE CITY - VN.

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: NGUYỄN ĐÓN LỘC Occupation: Uachinist
(Họ và tên)
2. Address and phone number:
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee: Cousin
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☒ US citizen ☒
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: Apr 20, 1990
(Ngày, tháng, năm)

Nguyen Luoc
Signature of applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN ĐƠN ĐA
Last Middle First
- Current Address Xã Thới Lai huyện Q. Thủy Vĩnh TP Huế
- Date of Birth _____ Place of Birth _____
- Previous Occupation (before 1975) Y Captain
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 4/82 To 12/82
3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **191095R04**

Họ tên **NGUYỄN DŨN ĐÀ**



Sinh ngày **1945**

Nguyên quán **Hương Vĩnh**

Huế, Bình Trị Thiên

Nơi thường trú **Thị trấn Thương**

Hương Vĩnh, Huế, BTThiên

Dân tộc: **kinh**

Tôn giáo: **không**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo thủng 3cm clem
trên quai lông mày
trái

Nếu 28 tháng 11 năm 1985



NGÓN TRỎ PHẢI

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]

Đinh Bày

Số 009753

BIÊN NHẬN

(Cấp cho QN đã lập Hồ-sơ xin CC bọc nhựa)

Họ và Tên NGUYỄN-DŨN-ĐA

Cấp bậc Đại-Uý

Số quân 65/200044

Thời hạn sử dụng 60 ngày

Số thẻ CC được cấp

KBC. 1262 ngày 10 TH. HAI 1975

ĐƠN-VỊ TRƯỞNG

ẢNH

25 x 32

MẤU

QD-851

10.66.TTALAP. O.2586

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 190477840

Họ tên NGUYỄN THỊ CÚC

Sinh ngày 03-3-1943

Nguyên quán Hương Long,
Hương Điền, B.T. Thiên

Nơi thường trú Hương Vinh,
Hương Điền, B.T. Thiên



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo :

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 15cm
dưới trước đầu mắt
phải.

Ngày 25 tháng 6 năm 1979.

KY/GIÁM ĐỐC/ÁC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



TRƯỞNG TỶ

Nguyễn Văn Rê

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TAI NGŨ

Số: 227236

Họ và Tên: NGUYỄN - ĐON - ĐÀ
Cấp bậc: Đại-uy/CN
Số quân: 65/200.044
Đơn vị: Trung-Tâm Điện-Hợp-Vĩnh-Dịnh
KBC. 4262 ngày 16.11.1974



MẪU

01.10.74

QĐ.750.G/H

08.74.TTALAP.O.278

(Thay thế mẫu QĐ.750.F ngày 01.10.72)



Hieu lực đến

Hieu lực đến

Hieu lực đến

Hieu lực đến

15 Th.5. 1975



TRÁI

Dấu tay ngón trỏ



PHẢI

Ngày sinh : 10.04.1945

Nơi sinh : Hug-Tra, Thừa-Thiên

Cha : Nguyễn-đơn-Vệ (c)

Mẹ : Huynh-thị-Lung

Định-chỉ hiện tại : 46, Cư xá SQ

Thị Bình-Định

Chữ ký đương-sự

Hà Nội, ngày 11 tháng 1 năm 1952

LỆNH THA

Căn cứ thông tư số 220/Tg của Thông tư số 10 ngày 14-4-1948 và ngày 9-3-1950 của Thủ tướng Chính phủ, và căn cứ vào các quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, đối với các hình thức, nội dung của cơ quan chính quyền của các địa phương, các tổ chức chính trị, đảng phái phản động hiện đang bị tập trung giao đôn rớt lại các trại trong tỉnh.

Thực hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên

TRƯỞNG TY CÔNG AN BÌNH TRỊ THIÊN

LỆNH THA

Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa bị danh

Ngày tháng năm sinh: 1945

Quốc quán: Huyện Hương Sơn - Bình Thuận

Trú quán: Xã Hương Sơn, Huyện Hương Sơn - Bình Thuận

Cấp bậc, chức vụ, trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ

Đang ở: Trưởng ban nghiên cứu, tương đương cấp

hạng và phải trực tiếp hình diện ngay với Ủy ban nhân dân công an

Huyện Hương Sơn và công an huyện Hương Sơn

thuộc tỉnh Bình Thuận và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa

phương trong thời hạn 6 tháng đến 12 tháng và phải chấp hành các quy định của

Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và các mặt quản lý khác.

TRƯỞNG TY CÔNG AN
BÌNH TRỊ THIÊN


Rockton ngày 24-10-1989

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thở

Hội trưởng hội tù binh Việt Nam tại Hoa Kỳ

Thưa bà hội trưởng, chúng tôi đồng ký tên dưới đây là:

- Nguyễn Đôn Mậu, hiện ở tại số
- Nguyễn Đôn Lực, hiện ở tại số

Chúng tôi được chính phủ Hoa Kỳ cho định cư từ ngày 12 Tháng 7 năm 1979 cho đến nay.

Được biết bà là người nhân từ, đã đầy Công giúp đỡ tù binh Việt Nam, đất biết là bà đã quan tâm đến những người đã và đang cải tạo tại các trung tâm cải tạo ở Việt Nam để họ được Sang tái định cư tại Hoa Kỳ.

Với sự tín nhiệm và Long cao cả của bà chúng tôi xin chuyển hồ Sơ xin tái định cư tại Hoa Kỳ của người anh chúng tôi là Nguyễn Đôn Đa, Hiện thường trú tại Thôn thế tại Thượng Xã Hương Vinh Thành phố Huế. VIET-NAM

Ngay trước kia anh chúng tôi là Đại úy Sĩ quan quân đội V.N.C.H, phục vụ tại Trung tâm điều hợp Tỉnh Bình Định, Thị xã Quy Nhơn, Sau khi Miền Nam Việt Nam Thất Thủ Anh chúng tôi đã bị đưa vào các Trung tâm cải tạo từ Tháng 4-1975 cho đến tháng 12 năm 1982 Thời gian bị cải tạo là 8 năm Sau khi được thả về đã bị tiếp tục cải tạo tại địa phương Thêm 3 năm nữa

Sau khi được biết chương trình cho tái định cư tại Hoa Kỳ anh tôi đã lập Hồ Sơ tại VIETNAM vào Tháng 11-1988, Đồng Thời có gửi hồ Sơ đến ODP office tại số 127 Danabhum Building, 9th Floor Sathorn Tai Rd Bangkok 10120 Thailand vào ngày 24 tháng 9 năm 1989.

Đồng Kính xin bà Hội Trưởng Can thiệp với các cơ quan, giới chức có thẩm quyền tại Hoa Kỳ ưu ái chấp Thuận cho anh chúng tôi được ưu tiên vào danh Sách xin tái định cư tại Hoa Kỳ, chúng tôi đồng kính chúc Sức khỏe của Bà và to

Long biết ơn sâu xa ấy.

Nguyễn đôn Lược

Nguyễn đôn MẬU

Nguyễn Lược

Nguyễn Đ. Mậu

Hồ sơ xin định kèm

- Tờ khai lý lịch (2 bản bằng tiếng anh)
- Giấy chứng nhận hộ khẩu Thường trú 1 bản
- Trích lục chứng thư Hôn Thê 1 bản
- Lệnh Tha 1 bản
- Giấy chứng Minh Nhân Dân 2 bản
- Giấy chứng nhận tại ngũ Q.D.V.NCH 1 bản
- Biên nhận căn cước Quân Nhân Q.D.V.NCH 1 bản
- Ảnh 4 x 6.
- Khai sinh của sáu đứa con 6 bản

HUE' CITY 21ST SEPTEMBER 1989.

TO: MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE. NW WASHINGTON DC

20005 ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VN)

FROM: NGUYỄN ĐÔN ĐÀ

HƯƠNG VINH DISTRICT - HUE' CITY - VIETNAM

SUBJECT: REQUEST FOR YOUR HUMANITARIAN ASSISTANCE IN IMMIGRATION TO U.S.A UNDER THE O.D.P AS A FORMER AR. VN CAPTAIN WHO SERVED A LONG PERIODS OF TIME IN RE EDUCATION CAMP.

DEAR HONORABLE DIRECTOR

I THE UNDERSIGNED NGUYỄN ĐÔN ĐÀ WAS BORN ON APRIL 10TH 1945 AT HƯƠNG VINH DISTRICT - HUE' CITY - VIETNAM. I WOULD LIKE TO PRESENT MY MILITARY BIO - DATA FOR YOUR CONSIDERATION AND ASSISTANCE AS FOLLOW:

FULL NAME : NGUYỄN ĐÔN ĐÀ

RANK : CAPTAIN

POSITION : S3 CHIEF OF PACIFICATION AND DEVELOPMENT.

UNIT : COUNCIL IN BÌNH ĐỊNH PROVINCE - QUINH NHƠN CITY.

COMMANDER : MAJOR NGUYỄN ĐÔN TÙNG CHIEF OF PACIFICATION AND DEVELOPMENT COUNCIL IN BÌNH ĐỊNH PROVINCE - QUINH NHƠN CITY

TIME OF SERVICE : 1963 TO APRIL 30TH 1975

SERVING TIME IN RE-EDUCATION CAMP : FROM APRIL 30TH 1975 TO DECEMBER 1982

TIME OF RESTRAINT : FROM DECEMBER 1982 TO NOVEMBER 1985

CAMP THAT I HAVE EVER BEEN : CÔN TIÊN CAMP FROM APRIL 30TH 1975 TO JUNE 11TH 1976. ÁI TỬ CAMP FROM JUNE 11TH 1976 TO DECEMBER 23TH 1978. BÌNH DIỄN CAMP FROM DECEMBER 28TH 1978 TO DECEMBER 14TH 1982.

FAMILY STATUS		MARRIED WITH 6 CHILDREN	
1	NGUYỄN THỊ CUC	MARCH 3 RD 1943	HƯƠNG LONG DISTRICT - HUE' CITY MY WIFE
2	NGUYỄN THỊ THANH	DECEMBER 10 TH 1968	HƯƠNG VINH DISTRICT - HUE' CITY MY DAUGHTER

3	NGUYỄN THỊ PHÚC	OCTOBER 6 th 1969	Hương Vinh District, Huế city: My Daughter
4	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUY	JANUARY 17 th 1971	Hương Vinh District, Huế city: My Daughter
5	NGUYỄN THỊ TÔ TÂM	JANUARY 4 th 1972	Hương Vinh District, Huế city: My Daughter
6	NGUYỄN THỊ ĐẠ AI	AUGUST 3 rd 1974	Hương Vinh District, Huế city: My Daughter
7	NGUYỄN ĐÔN THẾ NĂNG	FEBRUARY 22 nd 1984	Hương Vinh District, Huế city: My Son

NOW, HAVING LEARNED AN AGREEMENT THAT HAD BEEN REACHED BETWEEN THE TWO GOVERNMENTS OF THE U.S. AND VIETNAM TO GIVE FAVOR OF RESETTLEMENT FOR THOSE WHO WERE RELEASED FROM RE-EDUCATION CAMPS OR THOSE WHO HAD AMERICAN INVOLVEMENTS. FOR THAT MATTER I HONORABLY REQUEST YOU, DIRECTOR, TO CONSIDER MY CASE IN OPENING ME AN IV FILE AND PLACE NAMES OF MY FAMILY IN THE US LIST OF PERSONS WHO ARE ELIGIBLE FOR O.D.P.

WE APPRECIATE IT VERY MUCH. IF YOU COULD GIVE REQUEST A FAVOURABLE CONSIDERATION AND APPROVAL.

WE LOOK FORWARD TO HEAR FROM YOU SOON.

RESPECTFULLY YOURS

Nguyen Don Da

CAPT NGUYỄN ĐÔN ĐÀ

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM

I BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM

1. FULL NAME : NGUYỄN ĐÔN ĐÀ
2. DATE AND PLACE OF BIRTH : 10-4-1945
3. POSITION BEFORE APRIL 30, 1975
- RANK : - CAPTAIN
- FONCTION : S3 CHIEF OF PACIFICATION AND DEVELOPMENT IN BÌNH ĐỊNH PROVINCE, QUẢNG BÌNH
- SERIAL NUMBER : 65/200 044
4. MONTH, DATE, YEAR ARRESTED : 30.4.1975
5. MONTH, DATE, YEAR OUT CAMP: DECEMBER 1982
6. RELEASE CERTIFICATE NUMBER : 11/QĐ NOVEMBER 8th - 1982
7. MAILING ADDRESS : THẾ LẠI THƯỢNG VILLAGE, HƯƠNG VINH DISTRICT. HUẾ CITY. VN.

II LIST FULL NAME, DOB AND POB EXPOLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER, MOTHER...

1. RELATIVE TO ACCOMPANY WITH EXPOLITICAL PRISONER

	FULL NAME	DOB	POB	RELATIONSHIP
1	NGUYỄN THỊ CÚC	3.3.-1943	HƯƠNG LONG DISTRICT - HUẾ	WIFE
2	NGUYỄN THỊ HẠNH	10.12.1968	HƯƠNG VINH DISTRICT HUẾ	DAUGHTER
3	NGUYỄN THỊ PHÚC	6.10.1969	Hương Vinh District HUẾ	DAUGHTER
4	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUY	17.1.1971	Hương Vinh District HUẾ	DAUGHTER
5	NGUYỄN THỊ TÔ TÂM	4.1.-1972	Hương Vinh District HUẾ	DAUGHTER
6	NGUYỄN THỊ DẠ ẮI	3.8.1974	Hương Vinh District HUẾ	DAUGHTER
7	NGUYỄN ĐÔN THẾ NẮNG	22.2.1984	Hương Vinh DISTRICT HUẾ	SON.

2. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING OR DEAD) OF EXPOLITICAL PRISONER

- FATHER : NGUYỄN ĐÔN VỆ : DEAD
- MOTHER : HUỲNH THỊ LƯƠNG : DEAD
- BROTHER : NGUYỄN ĐÔN CÀ : LIVING
- NGUYỄN ĐÔN HẠT : LIVING

III RELATIVE OUTSIDE VIETNAM

1. CLOSEST RELATIVE IN U.S.:

- NGUYỄN ĐÔN LỰC: UNCLE'S SON. ADDRESS:

- NGUYỄN ĐÔN MẬU: UNCLE'S SON. ADDRESS:

2. CLOSEST RELATIVE IN OTHER COUNTRY: No

IV HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY.

1. REUNIFICATION UNTIL NOW: NOT YET

2. REPLY FROM BANGKOK O.D.P RELATIVE TO: No

3. THE O.D.P BANGKOK LOI: No

V COMMENT AND REMARKS. I DON'T LIKE TO LIVE WITH COMMUNISM TOGETHER.

So, I WISH TO GO TO THE U.S.A TO LIVE THERE.

I AFFIRM THAT ALL THE INFORMATIONS IN THIS QUESTIONNAIRE ARE TRUE AND
KNOW THAT ANY FALSE STATEMENT COULD PREVENT ME FROM GOING TO THE U.S.A.

VI I LIST HERE ALL DOCUMENT ATTACHED TO

1. RELEASE CERTIFICATE (photo copy) 1 SHEET

2. CERTIFICATE OF BIRTH (WIFE AND CHILDREN) 8 SHEET.

3. MARRIAGE CERTIFICATE 1 SHEET

4. IDENTIFICATION CARD (photo copy) 1 SHEET

5. REQUEST 1 SHEET

6. PHOTO FOR EACH MEMBER 8 EA

7. AR VN ID CARD (photo copy) 2 SHEET.

① REMARK. IN VIETNAM, I ALSO MADE APPLICATION TO THE VIETNAM
AUTHORITIES IN NOV 1988 TO GET EXIT PERMIT.

HUE CITY 21ST September 1989

SIGNATURE

NGUYỄN ĐÔN ĐẠ

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỌ

Chứng nhận đã chuyển đến.....	Chứng nhận đã chuyển đến.....
Từ ngày.....tháng.....năm 198....	Từ ngày.....tháng.....năm 198....
Ký tên đồng dấu.....	Ký tên đồng dấu.....
Chứng nhận đã chuyển đến.....	Chứng nhận đã chuyển đến.....
Từ ngày.....tháng.....năm 198....	Từ ngày.....tháng.....năm 198....
Ký tên đồng dấu.....	Ký tên đồng dấu.....
CHỖ CHỖ KHÁC	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[Handwritten signature]

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHAN KHẨU THƯƠNG TRÚ

Số 40
51

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ CÚC
Số nhà:
Thôn: THỊ LẠI TUYÊN
Xã: HƯNG GIANG
Thành phố Huế - Tỉnh Bình Trị Thiên.

Ngày 15 tháng 10 năm 1984
Trưởng công an Thị trấn Huế
Ký tên đồng dấu, và ghi rõ họ, tên



[Handwritten signature]

NHÂN KHẨU THƯỜNG

TRÚ TRÔNG HỘ

Số hàng	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Quan hệ thế nào với người trong hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số và nơi cấp giấy C.M.N.D	Ngày tháng năm đăng ký	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an sở tại
1	Nguyễn Thị Cúc	02.03.1943	chủ hộ	buôn bán	190477840			
2	Nguyễn Thị Đoàn	01.04.1966	con	ở nhà				
3	Nguyễn Thị Hằng	10.12.1968	con	ở nhà	191095720			
4	Nguyễn Thị Phấn	02.10.1969	con	học sinh	191095721			
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01.07.1971	con	học sinh	191219210			
6	Nguyễn Thị Tâm	04.01.1972	con	học sinh	191280309			
7	Nguyễn Thị Đan Hi	03.08.1974	con	ở nhà				
8	Nguyễn Thị Đan	13.10.1945	cháu	thợ may	191095804	01/1/63		
9	Nguyễn Thị Nany	01.07.1987	con	ở nhà			191095804	

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh (Thị xã) Qui-Nhơn

Quận Nhơn-Bình

 (Phường) Trung-Hiếu

Số hiệu 375



Trích - Lục Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 05 tháng 9 năm 19 74

Tên họ đứa trẻ :	NGUYỄN-THỊ-ĐẠ-ÁI
Con trai hay con gái :	Con gái
Ngày sanh :	Ba mươi, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn (30/08/1974)
Nơi sanh :	Phường Trung-Hiếu, Quận Nhơn-Bình, Qui-Nhơn
Tên họ người cha :	NGUYỄN-ĐƠN-ĐÀ
Tên họ người mẹ :	NGUYỄN-THỊ-CỨC
Vợ chánh hay không có hôn thú :	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai :	NGUYỄN-ĐƠN-ĐÀ

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Trung-Hiếu, ngày 06 tháng 9 năm 19 74

Phường-Trung-Hiếu Kiểm-đuyệt-viên Hộ-Tịch

MIỀN THỊ-TỈNH

TC. THÔNG-TU BỘ NỘI-VỤ

Số 9475/BNV/HG

Ngày 22-10-74



Đ. Xuân Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Phường Hưng Việt
Huyện _____
Tỉnh, Thành phố Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2 PS

GIẤY KHAI SINH

Số 1046
quyển số 2

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	Nguyễn Đôn Đa Nam, Nữ <u>Nam</u>	
sinh ngày tháng năm	22-02-1984	
Nơi sinh	Đông huyện Huế	
KHAI VE CHA MẸ	CHA	ME
Họ và tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Nguyễn Đôn Đa 16-4-1945	Ng-thị Cúc 23-03-1943
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	Thợ mộc, thợ Lái thuyền, Hưởng lĩnh; Huế	Bùn bãi thợ Lái thuyền, Hưởng lĩnh; Huế
Họ và tên tuổi Nơi ĐKKK thường trú Số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Đôn Đa, 42 tuổi Lái thuyền, Hưởng lĩnh, Huế	

Người đứng khai
(họ và tên)

Nguyễn Đôn Đa
[Signature]

Đang ký, ngày 9 tháng 3 năm 1984
TM, UBND Xã Hưng Việt
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Phó Chủ tịch
[Signature]
Nguyễn Xuân Lý

NAM - PHẦN
TỈNH GÒ CÔNG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

QUẬN : Hồa-Lạc

XÃ : Long-thuận

Bản số : 2376

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM I. 969

Tên họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	Nguyễn-thị-Phúc
Nam hay Nữ (Son sexe)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de sa naissance)	Ngày một tháng mười năm I. 969
Sanh tại chỗ nào (Lieu de sa naissance)	Bảo sanh-viện Gò-Công
Tên họ người cha (Nom et prénoms de son père)	Nguyễn-đôn-Đa
Làm nghề - nghiệp gì (Sa profession)	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Yên-lương
Tên họ người mẹ (Nom et prénom de sa mère)	Nguyễn-thị-Cúc
Làm nghề - nghiệp gì (Sa profession)	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Yên-lương
Vợ chánh hay thứ (Son rang femme mariée)	Vợ-chánh

Chứng thật chữ ký bên đây

là của Ủy-V. Hộ-Tịch Xã Long Thuận
Trưởng, ngày 8 tháng 11 năm 1969

QUẢN-TRƯỞNG,

TỔNG-Tính-Trưởng

PHÒNG-Hành-Chánh



ĐANG-THÀNH-VINH

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH :

Long-thuận, ngày 14 tháng 10 năm 1969

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Nguyễn Văn Thanh

KHAI SINH

Số hiệu 35/72

Tên họ ấu nhi :	NGUYỄN-THỊ-TỔ-TÂM
Phái :	NỮ
Sanh ngày, tháng, năm :	Ngày bốn, tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, (04-01-1972)
Tại :	Nhà Bác-Sĩ Cai-Văn-Dung 125 Võ-Tánh-Quí-Nhơn
Tên họ Cha :	NGUYỄN-ĐỖN-ĐÀ
Tuổi :	27 tuổi
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	KBC: 4262
Tên họ Mẹ :	NGUYỄN-THỊ-CỨC
Tuổi :	29 tuổi
Nghề nghiệp :	Buôn bán
Cư trú tại :	Trung-Thiện, Quí-Nhơn
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai :	NGUYỄN-ĐỖN-ĐÀ
Tuổi :	27 tuổi
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	KBC: 4262
Ngày khai :	Ngày hai, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, (02-02-1972)
Tên họ người chứng thứ nhất :	VÕ-DUY-LINH
Tuổi :	24 tuổi
Nghề nghiệp :	Nông
Cư trú tại :	Trung-Thiện, Quí-Nhơn
Tên họ người chứng thứ nhì :	VÕ-VĂN-MÊ
Tuổi :	30 tuổi
Nghề nghiệp :	Thợ may
Cư trú tại :	Trung-Thiện, Quí-Nhơn

Sinh tại nhà in LIÊN-TMÁI 254 Phan-Bội-Châu - QUÍ-NHƠN

Làm tại Trung-Thiện, ngày 02 tháng 02 năm 1972

NGƯỜI-KHAI,

HỘ-LẠI,

NHÂN-CHỨNG

Ký tên: Nguyễn-Đỗn-Đà

Ký tên: NGUYỄN-CÔNG-HUỒN ký tên: Võ-Duy-Linh

PHỤNG TRÍCH LỰC ký tên: Võ-Văn-Mê

TRUNG-THIỆN, Ngày 02 Tháng 02 năm 1972

CHỦ-TỊCH KIỂM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN-CÔNG-HUỒN

KHAI SINH

Số hiệu

718

Bản tại nhà in LIÊN THAI 204 Phan-bội-Chau Quir-lon

Tên họ ấu nhi :	Nguyễn-thị-Khánh-Hỷ
Phái :	nữ
Sanh ngày, tháng, năm :	Ngày mười bảy, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (17/01/1971).
Tại :	Ấp Thấp-Dôi, xã Qui-nhơn, tỉnh Bình-dịnh
Tên họ Cha :	Nguyễn-Dôn-Đa
Tuổi :	26 tuổi
Nghề nghiệp :	Quan-nhân
Cư trú tại :	KBC. 67.25
Tên họ Mẹ :	Nguyễn-thị-Cúc
Tuổi :	28 tuổi
Nghề nghiệp :	nội-trợ
Cư trú tại :	Ấp Thấp-dôi, xã Qui-nhơn, tỉnh Bình-dịnh
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai :	Nguyễn-Dôn-Đa
Tuổi :	26 tuổi
Nghề nghiệp :	Quan-nhân
Cư trú tại :	KBC. 67.25
Ngày khai :	Ngày mười lăm, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (15/02/1971)
Tên họ người chứng thứ nhất :	Trần-quang-Khiết
Tuổi :	34 tuổi
Nghề nghiệp :	quan nhân
Cư trú tại :	KBC. 67.25
Tên họ người chứng thứ nhì :	Phan-Khén
Tuổi :	34 tuổi
Nghề nghiệp :	quan nhân
Cư trú tại :	KBC. 67.25

Làm tại Qui-nhơn, ngày 15 tháng 02 năm 19 71
HỘ LẠI, NHÂN CHỨNG.

NGƯỜI KHAI,

Nguyễn-Dôn-Đa ký

Ký tên

Nguyễn-Dôn-Đa và dấu

Trần-quang-Khiết

PHỤ TỊCH LỤC

Phan-Khén

Qui-nhơn, ngày 15 tháng 02 năm 19 71

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH XA QUI-NHƠN

[Signature]

KHAI SINH

Họ và tên ăn nhl : NGUYỄN-THỊ-NGHỊ
 Phái : Nữ
 Sinh : Ngày mười, tháng mười một, năm một ngàn
chín trăm sáu mươi tám (10-11-1968)
 Tại : Thị-Lại-Thượng, Xã Hương-Vinh, Huyện-Trà, TT
 Cha : Nguyễn-Đôn-Đa
 Họ và tên : Hai mươi ba tuổi (23)
 Tuổi : Quân-nhân
 Nghề nghiệp : KBC, 3557
 Cư-trú tại : Nguyễn-thị-Cúc
 Mẹ : Hai mươi lăm tuổi (25)
 Họ và tên : Đôn-Đa
 Tuổi : Thị-Lại-Thượng, Hương-Vinh, Huyện-Trà, T/Thị-L.
 Nghề nghiệp : (Chánh)
 Cư-trú tại : Nguyễn-Đôn-Đa
 Vợ : Hai mươi ba tuổi (23)
 Chánh hay thứ : Quân-nhân
 Người khai : KBC, 3557
 Họ và tên : Ngày bốn, tháng mười hai, năm một ngàn chín
 Tuổi : trăm sáu mươi tám (04-12-1968)
 Nghề nghiệp : Nguyễn-Đôn-Trần
 Cư-trú tại : Hai mươi hai tuổi (22)
 Họ và tên : Công-nhân
 Tuổi : Thị-Lại-Thượng, Hương-Vinh, Huyện-Trà, T/Thị-L.
 Nghề nghiệp : Nguyễn-thị-Lân
 Cư-trú tại : Hai mươi ba tuổi (23)
 Họ và tên : KBC-trg
 Tuổi : Thị-Lại-Thượng, Hương-Vinh, Huyện-Trà, T/Thị-L.
 Nghề nghiệp : Nguyễn-Đôn-Đa
 Cư-trú tại : Nguyễn-thị-Lân

Làm tại Hương-Vinh , ngày 04 / 12 / 1968

Người khai,

Họ lại,

Nhận chữ g

Nguyễn-Đôn-Đa

Nguyễn-Đôn-Trần

Nguyễn-thị-Lân

Thị-Lại-Thượng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh Thừa-thiên
Quán Hương-trà
Xã Hương-vinh
Số 26

TRÍCH - LỤC

chứng-thư hôn-thú

Tên họ người chồng NGUYỄN-DŨN-ĐA
nghề nghiệp Quân-nhân
sinh ngày Ngày mười tháng tư năm một ngàn chín
trăm bốn mươi lăm (10.4.1945).
tại Thị-lại-thượng, Hương-vinh, Hương-trà, T-thiên
cư sở tại -nt-
tạm trú tại -nt-
Tên họ cha chồng NGUYỄN-DŨN-VŨ (chết).
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-LÂN (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-CÚC
nghề-nghiep Buôn-bán
tại -nt-
cư sở tại Thị-lại-thượng, Hương-vinh, Hương-trà, T-thiên
tạm trú tại -nt-
Tên họ cha vợ NGUYỄN-DŨNG-ĐA (sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ cha vợ -nt-
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ TẠNG-THỊ-THÚ (sống)
(sống chết phải nói)
Ngày cưới Ngày mười tháng sáu năm một ngàn chín
trăm sáu mươi lăm (10.6.1965).
Vợ chồng khai có hay không lập hôn kư
ngày tháng năm

Trích y bản chính

Hương-vinh ngày 16 tháng 6 năm 1965

Viên chức Hộ tịch.



NGUYỄN THẠNH TÙNG